UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 298 /QĐ-UBND	*Đắk Lắk, ngày 09 tháng 02 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Phương án hỗ trợ và bổ sung ngân sách có mục tiêu năm 2017 cho huyện Ea Kar để chi trả cho người lao động tại Hợp tác xã kinh doanh điện, nước Ea kar

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13, ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 12/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Xét đề nghị của Liên Sở: Sở Tài chính - Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 66/TTr-LS-STC-SLĐTBXH ngày 11/01/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án hỗ trợ và bổ sung ngân sách có mục tiêu năm 2017 cho huyện Ea Kar từ nguồn kinh phí chưa phân bổ tại Quyết định số 3848/QĐ-UBND, ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh, số tiền: 1.031.670.900 (*Một tỷ, không trăm ba mươi mốt triệu, sáu trăm bảy mươi ngàn, chín trăm đồng*), để hỗ trợ chi trả cho người lao động của Hợp tác xã kinh doanh điện, nước Ea Kar.

(chi tiết như phụ lục kèm theo)

Điều 2. Giao Sở Tài chính lập thủ tục cấp phát số tiền trên cho huyện Ea Kar. Chủ tịch UBND huyện Ea Kar có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích và thực hiện việc thanh, quyết toán theo chế độ quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động – Thương binh và Xã hội, Công Thương; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Ea Kar và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (Ch 18b).

CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Nghị

PHƯƠNG ÁN HỖ TRỢ KINH PHÍ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI HỢP TÁC XÃ KINH DOANH ĐIỆN, NƯỚC EA KAR

(Kèm theo Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ hiện nay	Tháng/năm bắt đầu công tác	Tính đến thời điểm hưởng BHTN	Tổng thời gian công tác hưởng trợ cấp	Mức lương tính trợ cấp	Trợ cấp thôi việc	Trợ cấp mất việc	Tổng số tiền được nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(1)	(7)	(8)	(9)	(10) = (8) + (9)
A	**Trợ cấp mất việc đối với xã viên HTX**								**128.277.900**	**128.277.900**
01	Trần Văn Công	10/02/1957	Chủ nhiệm HTX	01/1997	12/2008	12	4.979.500		53.778.600	***53.778.600***
02	Phạm Văn Dĩnh	07/08/1965	Phó chủ nhiệm HTX	01/2000	12/2008	9	4.197.500		33.999.750	***33.999.750***
03	Phạm Thị Mỹ Hạnh	19/04/1969	Phó chủ nhiệm HTX	07/1998	12/2008	10,5	4.285.667		40.499.550	***40.499.550***
B	**Trợ cấp mất việc đối với hợp đồng lao động**								**896.096.250**	**896.096.250**
04	Lê Thị Duyến	02/04/1982	Kế toán trưởng	11/2005	12/2008	3,5	4.027.000		14.094.500	***14.094.500***
05	Nguyễn Đồng Dương	14/04/1962	Nhân viên	04/1997	12/2008	12	3.760.500		45.126.000	***45.126.000***
06	Nguyễn Hữu Đồng	06/10/1968	Nhân viên	05/2004	12/2008	5	4.154.500		20.772.500	***20.772.500***
07	Trần Trọng Sơn	20/03/1978	Nhân viên	01/2000	12/2008	9	3.553.500		31.981.500	***31.981.500***
08	Y Thăm Niê	25/07/1977	Nhân viên	09/2003	12/2008	5,5	3.381.000		18.595.500	***18.595.500***
09	Nguyễn Hữu Hiếu	02/05/1987	Nhân viên	01/2007	12/2008	2	2.656.500		5.313.000	***5.313.000***
10	Nguyễn Mạnh Hà	10/12/1957	Nhân viên	01/1997	12/2008	12	3.450.000		41.400.000	***41.400.000***
11	Hà Thanh Tùng	10/10/1974	Nhân viên	01/1997	12/2008	12	3.760.500		45.126.000	***45.126.000***
12	Vũ Trung Kiên	01/01/1973	Nhân viên	03/1999	12/2008	10	3.553.500		35.535.000	***35.535.000***
13	Võ Hồng Huyền	13/09/1963	Nhân viên	10/1984	12/2008	24,5	4.611.500		112.981.750	***112.981.750***
14	Trần Xuân Trạch	18/05/1970	Nhân viên	01/1997	12/2008	12	3.760.500		45.126.000	***45.126.000***
15	Bùi Đức Tâm	07/03/1970	Nhân viên	07/2001	12/2008	7,5	3.174.000		23.805.000	***23.805.000***
16	Lê Ngọc Đức	20/11/1965	Nhân viên	03/1983	12/2008	26	4.646.000		120.796.000	***120.796.000***
17	Lê Văn Huynh	26/05/1968	Nhân viên	09/1986	12/2008	23,5	3.829.500		89.993.250	***89.993.250***
18	Lê Xuân Bính	20/07/1970	Nhân viên	01/1997	12/2008	12	3.967.500		47.610.000	***47.610.000***
19	Vũ Văn Hưng	07/10/1974	Nhân viên	05/1999	12/2008	10	4.105.500		41.055.000	***41.055.000***
20	Dương Hồng Dân	20/11/1978	Nhân viên	02/2004	12/2008	5	3.036.000		15.180.000	***15.180.000***
21	Phạm Anh Dũng	29/01/1968	Nhân viên	01/1997	12/2008	12	4.220.500		50.646.000	***50.646.000***

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ hiện nay	Tháng/năm bắt đầu công tác	Tính đến thời điểm hưởng BHTN	Tổng thời gian công tác hưởng trợ cấp	Mức lương tính trợ cấp	Trợ cấp thôi việc	Trợ cấp mất việc	Tổng số tiền được nhận
22	Lê Quang Tuyến	09/09/1972	Nhân viên	01/1997	12/2008	12	4.174.500		50.094.000	***50.094.000***
23	Nguyễn Cảnh Hùng	17/05/1976	Nhân viên	07/1997	12/2008	11,5	3.553.500		40.865.250	***40.865.250***
C	**Trợ cấp thôi việc đối với hợp đồng lao động được Cty Điện lực Đắk Lắk tiếp nhận**							**7.296.750**		**7.296.750**
24	Nguyễn Văn Phú	19/8/1980	Nhân viên	07/2004	12/2008	4,5	3.243.000	7.296.750		***7.296.750***
Tổng cộng								**7.296.750**	**1.024.374.150**	**1.031.670.900**